

Tổng quan về Câu bị động không ngôi (Impersonal Passive)

Câu bị động không ngôi là một dạng câu bị động đặc biệt, được sử dụng để tường thuật lại một ý kiến, quan điểm, lời đồn, hoặc niềm tin của người khác một cách khách quan, trang trọng mà không cần nêu rõ người nói là ai. Cấu trúc này thường được dùng trong văn viết, đặc biệt là trong các bài báo, báo cáo khoa học.

1. Các động từ tường thuật thường gặp

Cấu trúc bị động không ngôi thường đi với các động từ chỉ quan điểm, ý kiến, sự tường thuật. Dưới đây là một số động từ phổ biến:

- **say**: nói rằng
- **think**: nghĩ rằng
- **believe**: tin rằng
- **report**: báo cáo, tường thuật lại rằng
- **know**: biết rằng
- **expect**: mong đợi rằng
- **allege**: cho rằng, cáo buộc rằng
- **consider**: xem xét, cho rằng
- **understand**: hiểu rằng

- **claim:** tuyên bố rằng
- **rumour:** đồn rằng

Hai cấu trúc chính của Câu bị động không ngôi

Có hai cách chính để thành lập câu bị động không ngôi từ một câu chủ động có dạng: **People/They + V(say/think/believe...) + that + S + V...**

Cấu trúc 1: It + be + V3/ed + that + clause

Đây là cấu trúc đơn giản và phổ biến nhất, dùng để giới thiệu một thông tin hoặc một quan điểm chung.

Công thức: It + be (is/am/are/was/were...) + V3/ed + that + S + V + O.

Giải thích: Trong cấu trúc này, "It" là chủ ngữ giả, không ám chỉ một đối tượng cụ thể nào. Động từ "be" được chia theo thì của động từ tường thuật trong câu chủ động (ví dụ: people say -> it is said; people said -> it was said).

Ví dụ:

- Câu chủ động:** People say that this book is very interesting.
→ **Câu bị động:** **It is said that** this book is very interesting. (Người ta nói rằng cuốn sách này rất thú vị.)
- Câu chủ động:** They reported that the storm caused serious damage.
→ **Câu bị động:** **It was reported that** the storm caused serious damage. (Có báo cáo rằng cơn bão đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng.)
- Câu chủ động:** Experts believe that the new vaccine will be effective.
→ **Câu bị động:** **It is believed that** the new vaccine will be effective. (Các

chuyên gia tin rằng vắc-xin mới sẽ hiệu quả.)

Cấu trúc 2: S + be + V3/ed + to-infinitive

Cấu trúc này đưa chủ ngữ của mệnh đề phụ (sau "that") lên làm chủ ngữ chính của câu. Dạng của động từ nguyên mẫu có "to" (to-infinitive) sẽ phụ thuộc vào mối quan hệ về thì giữa động từ tường thuật và động từ trong mệnh đề phụ.

Trường hợp 1: Động từ trong mệnh đề 'that' CÙNG THÌ hoặc ở THÌ TƯƠNG LAI so với động từ tường thuật

Khi hành động trong mệnh đề phụ xảy ra đồng thời hoặc sau hành động của động từ tường thuật, ta dùng động từ nguyên mẫu đơn (to + V-inf).

Công thức: S + be + V3/ed + to + V-inf.

Ví dụ:

- Câu chủ động:** People believe that he **is** a reliable person. (believe và is cùng ở thì hiện tại)
→ **Câu bị động:** He **is believed to be** a reliable person. (Anh ấy được tin là một người đáng tin cậy.)
- Câu chủ động:** They think that she **will win** the competition. (think ở hiện tại, will win ở tương lai)
→ **Câu bị động:** She **is thought to win** the competition. (Cô ấy được cho là sẽ thắng cuộc thi.)

Trường hợp 2: Động từ trong mệnh đề 'that' ở THÌ QUÁ KHỨ so với động từ tường thuật

Khi hành động trong mệnh đề phụ xảy ra trước hành động của động từ tường thuật, ta dùng động từ nguyên mẫu hoàn thành (to + have + V3/ed).

Công thức: S + be + V3/ed + to + have + V3/ed.

Ví dụ:

- Câu chủ động:** People say that she **won** the lottery last week. (say ở hiện tại, won ở quá khứ → hành động 'won' xảy ra trước)
→ **Câu bị động:** She **is said to have won** the lottery last week. (Cô ấy được cho là đã trúng số tuần trước.)
- Câu chủ động:** The police reported that the thief **had escaped** before they arrived. (reported ở quá khứ, had escaped ở quá khứ hoàn thành → hành động 'had escaped' xảy ra trước)
→ **Câu bị động:** The thief **was reported to have escaped** before the police arrived. (Tên trộm được báo cáo là đã tẩu thoát trước khi cảnh sát đến.)

Bảng tổng hợp cách chuyển đổi sang cấu trúc 'to-infinitive'

Mối quan hệ về thì	Cấu trúc 'to-infinitive'	Ví dụ
Hành động trong mệnh đề 'that' cùng thì / ở thì tương lai so với động từ tường thuật.	to + V-inf	It is known that she is a talented artist. → She is known to be a talented artist.
Hành động trong mệnh đề 'that' xảy ra trước động từ tường thuật.	to + have + V3/ed	It is believed that he stole the documents. → He is believed to have stolen the documents.
Hành động trong mệnh đề 'that' ở dạng tiếp diễn và cùng thì .	to + be + V-ing	It is said that they are living in Paris. → They are said to be living in Paris.
Hành động trong mệnh đề 'that' ở dạng tiếp diễn và xảy ra trước .	to + have + been + V-ing	It was thought that he had been working on a secret project. → He was thought to have been working on a secret project.

4. Các lưu ý quan trọng

1. **Thì của động từ tường thuật:** Động từ "be" trong cả hai cấu trúc bị động phải chia theo thì của động từ tường thuật ở câu chủ động.

Ví dụ: People **believed**... → It **was** believed... / He **was** believed...

2. **Câu phủ định:** Để chuyển câu phủ định, ta thêm "not" vào trước "to-infinitive".

Ví dụ: People don't think he is qualified. → He is **not** thought **to be** qualified.

3. **Chủ ngữ của câu:** Chủ ngữ trong cấu trúc 2 (S + be + V3/ed + to-inf) chính là chủ ngữ của mệnh đề phụ trong câu gốc.

5. Bài tập vận dụng

Bài 1: Viết lại các câu sau bắt đầu bằng "It is..."

1. People know that carrots are good for the eyes.
2. They say that the new president is a visionary leader.
3. They reported that the company made a huge profit last year.

Bài 2: Viết lại các câu sau, sử dụng cấu trúc S + be + V3/ed + to-infinitive.

1. It is said that the boy is a genius.
2. It is believed that the manager stole the money.
3. It was reported that the criminals had been arrested.
4. It is expected that the team will arrive tomorrow.

Đáp án

Bài 1:

1. It is known that carrots are good for the eyes.
2. It is said that the new president is a visionary leader.
3. It was reported that the company made a huge profit last year.

Bài 2:

1. The boy is said to be a genius.
2. The manager is believed to have stolen the money.
3. The criminals were reported to have been arrested.
4. The team is expected to arrive tomorrow.